

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-DHĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 06/5/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chi hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;


Căn cứ Quyết định số 4305/QĐ-DHĐN ngày 08/11/2022 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ mở ngành và chuyên ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học tại Đại học Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.


**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- DHDN (để báo cáo);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, ĐT. 

**HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Phan Đức Tuấn**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 11 năm 2024

## QUY ĐỊNH

**Điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2223/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trường).

2. Quy định này áp dụng đối với các Phòng, Khoa, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình mở ngành, chuyên ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Danh mục thống kê ngành đào tạo là Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV đối với các trình độ của giáo dục đại học, do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành.

2. Ngành đào tạo là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

3. Nhóm ngành đào tạo là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Lĩnh vực đào tạo là tập hợp các nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ được thống kê, phân loại trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp II thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành đào tạo dự kiến mở ở trình độ đại học/thạc sĩ là ngành có cùng tên và cùng 6 chữ số cuối của mã ngành theo Danh mục thống kê ngành đào tạo; trường hợp ngành đó chưa được đào tạo trong nước ở trình độ tiến sĩ hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp thì ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo ở trình độ đại học/thạc sĩ. Riêng đối với ngành thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên (trình độ đại học), ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ là ngành chuyên môn tương ứng với ngành đào tạo giáo viên, hoặc là ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (của ngành chuyên môn tương ứng).

6. Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành dự kiến mở ở trình độ tiến sĩ là ngành dự kiến mở; trường hợp ngành dự kiến mở chưa được đào tạo trong nước hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp, ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành dự kiến mở.

7. Thành phần của một chương trình đào tạo (CTĐT) là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của CTĐT. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của CTĐT (như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, và các thành phần khác).

8. Giảng viên toàn thời gian trong mở ngành đào tạo bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại cơ sở đào tạo (sau đây gọi chung là giảng viên toàn thời gian), cụ thể như sau:

a) Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

b) Giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên, làm việc toàn thời gian tại cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT quy định về chế độ làm việc của giảng viên đại học trong cả năm học tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, đồng thời không ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác.

9. Giảng viên thỉnh giảng trong mở ngành đào tạo là người không thuộc diện theo quy định tại khoản 8 Điều này nhưng có ký hợp đồng thỉnh giảng với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật, giảng dạy theo kế hoạch được phân công tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, được cơ sở đào tạo trả lương, thù lao theo hợp đồng thỉnh giảng với cơ sở đào tạo.

10. Giảng viên có chuyên môn phù hợp để giảng dạy CTĐT là giảng viên được đào tạo ở trình độ và ngành có kiến thức chuyên môn phù hợp để giảng dạy các học phần trong CTĐT của ngành dự kiến mở; đồng thời đã có kinh nghiệm giảng dạy đại học tối thiểu từ 02 năm trở lên đối với các học phần tương ứng trong CTĐT của ngành dự kiến mở hoặc đã có các công trình khoa học liên quan đến nội dung được dự kiến phân công giảng dạy được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

## **Chương II**

### **ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 3. Điều kiện chung về mở ngành đào tạo**

Khoa chuyên môn đăng ký mở ngành đào tạo phải đáp ứng điều kiện chung khi mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ, bao gồm:

##### **1. Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở**

a) Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của đơn vị;

b) Có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo (trừ trường hợp có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ); việc đề xuất bổ sung ngành mới vào Danh mục thống kê ngành đào tạo thực hiện theo Thông tư quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

##### **2. Về đội ngũ giảng viên**

a) Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn CTĐT của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong CTĐT; các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật (quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này), giảng viên thỉnh giảng có thể đảm nhận tối đa 40% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong CTĐT;

b) Đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này và các quy định sau:

- Giảng viên có danh hiệu là Nghệ sĩ Nhân dân hoặc Nghệ nhân Nhân dân hoặc Nhà giáo Nhân dân do Nhà nước trao tặng, đồng thời có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT;

- Riêng ngành đào tạo ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, giảng viên là người dân tộc thiểu số hoặc người có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với ngôn ngữ văn hóa dân tộc thiểu số của ngành đào tạo dự kiến mở, đồng thời có bằng thạc sĩ có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT.

### 3. Về cơ sở vật chất

a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn CTĐT của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và các quy định khác tại Quy định này;

b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của CTĐT cho từng năm học của khóa học;

c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài Nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học;

d) Bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; từ năm học 2024 - 2025 trở đi, yêu cầu bắt buộc phải có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo;

d) Đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

4. CTĐT của ngành đề xuất mở được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường; đáp ứng chuẩn CTĐT của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Khoa chuyên môn đăng ký mở ngành phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và của Trường để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

7. Hội đồng trường và Hội đồng Đại học Đà Nẵng đã có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo dự kiến đăng ký mở.

#### **Điều 4. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học**

Khoa chuyên môn đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành đào tạo theo quy định tại Điều 3 Quy định này và các điều kiện cụ thể sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác (trường hợp ngành đào tạo dự kiến mở là ngành ghép bởi các ngành học từ các nhóm ngành khác nhau, hoặc ngành đào tạo mang tính liên ngành được sắp xếp đồng thời vào một số nhóm ngành khác nhau, yêu cầu mỗi ngành được ghép phải có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT.

2. Có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (tính cả tiến sĩ ngành phù hợp quy định tại khoản 1 Điều này), trong đó mỗi thành phần của CTĐT phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Riêng đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật (quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này), phải bảo đảm tối thiểu có 03 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp.

3. Có đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quy định này) bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của CTĐT và bảo đảm mỗi học phần của CTĐT phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm tỉ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định; có kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3 chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm

có đầy đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT cho từng năm học của khóa học.

4. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật.

5. Điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Quy định này phải bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của CTĐT, và phải có kế hoạch, phương án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3, chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất theo yêu cầu của CTĐT cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Quy định này) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

6. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều này và bảo đảm có phòng diễn án, trung tâm thực hành (tư vấn) pháp luật.

#### **Điều 5. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ**

Khoa chuyên môn đăng ký mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành theo quy định tại Điều 3 Quy định này và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu (các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, phải có ít nhất 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT.

2. Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT, trong đó có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong CTĐT.

3. Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ GD&ĐT.

4. Đã đào tạo và cấp bằng trình độ đại học ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ đại học chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

5. Khoa chuyên môn không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này phải thuyết minh sự đáp ứng vượt trội về các điều kiện khác so với quy định tại Quy định này và so với các cơ sở đào tạo trong nước, bao gồm: đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, uy tín chuyên môn); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; năng lực và kết quả nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; số ngành đào tạo và số người học đã được cấp bằng tốt nghiệp thạc sĩ; ngành đào tạo dự kiến mở thuộc lĩnh vực ưu tiên hoặc có nhu cầu cấp thiết đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bộ GD&ĐT xác minh, kiểm tra thực tế và xem xét, quyết định mở ngành trong trường hợp này.

#### **Điều 6. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ**

Khoa chuyên môn đăng ký mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành theo quy định tại Điều 3 Quy định này và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 01 giáo sư hoặc 02 phó giáo sư và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu (các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, phải có ít nhất 01 giáo sư hoặc 01 phó giáo sư và 02 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT.

2. Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT, giảng viên tham gia giảng dạy phải bảo đảm tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ GD&ĐT để giảng dạy các nội dung trong CTĐT, trong đó phải có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong CTĐT.

3. Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ GD&ĐT.

4. Đã đào tạo và cấp bằng trình độ thạc sĩ ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ thạc sĩ chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

5. Khoa chuyên môn đăng ký mở ngành không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này phải thuyết minh sự đáp ứng vượt trội về các điều kiện khác so với quy định tại Quy định này và so với các cơ sở đào tạo trong nước, bao gồm: đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, uy tín chuyên môn); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; năng lực và kết quả nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; số ngành đào tạo



và số người học đã được cấp bằng tốt nghiệp tiến sĩ; ngành đào tạo dự kiến mở thuộc lĩnh vực ưu tiên hoặc có nhu cầu cấp thiết đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bộ GD&ĐT xác minh, kiểm tra thực tế và xem xét, quyết định mở ngành trong trường hợp này.

### **Điều 7. Điều kiện mở chuyên ngành đào tạo**

1. Khoa chuyên môn đăng ký mở chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ phải đảm bảo các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, CTĐT...theo yêu cầu của CTĐT.

2. Tên chuyên ngành đào tạo không được trùng với tên ngành đã có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo hiện hành.

3. CTĐT giữa các chuyên ngành của cùng một ngành đào tạo phải đảm bảo có sự khác biệt tối thiểu 20% về kiến thức và kỹ năng.

5. Đối với các chuyên ngành đã mở nhưng không tổ chức tuyển sinh hoặc không tuyển sinh được trong thời gian quy định ở các trình độ giáo dục đại học (03 năm liên tiếp đối với trình độ đại học và 05 năm liên tiếp đối với trình độ thạc sĩ, tiến sĩ) thì quyết định mở ngành hết hiệu lực. Nếu khoa chuyên môn muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo chuyên ngành đó phải thực hiện lại trình tự, thủ tục mở chuyên ngành theo quy định.

## **Chương III**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 8. Xây dựng, đề xuất, phê duyệt chủ trương mở ngành/chuyên ngành đào tạo**

1. Hiệu trưởng giao cho Phòng Đào tạo tham mưu, hướng dẫn Khoa chuyên môn xây dựng, đề xuất chủ trương về việc mở ngành/chuyên ngành đào tạo.

2. Nội dung đề xuất chủ trương về việc mở ngành/chuyên ngành gồm có:

a) Về sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành/chuyên ngành đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới; phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành/chuyên ngành đào tạo; phân tích xu hướng phát triển ngành/chuyên ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành/chuyên ngành và trình độ đào tạo của Khoa, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Nhà trường, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước;

b) Về năng lực đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có của Khoa chuyên môn đối với ngành/chuyên ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao gồm

đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, CTĐT, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế;

c) Về mục tiêu phát triển ngành/chuyên ngành đào tạo đề xuất mở: báo cáo thuyết minh kết quả mong đợi về thời gian mở ngành/chuyên ngành đào tạo, thời gian triển khai tổ chức thực hiện CTĐT, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành/chuyên ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội;

d) Về giải pháp và lộ trình thực hiện: báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo, xây dựng CTĐT, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành/chuyên ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định CTĐT;

đ) Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro: báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành/chuyên ngành đào tạo;

3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo tổ chức thẩm định và có kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được xây dựng bảo đảm đầy đủ nội dung và chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo chỉ tiến hành họp khi có ít nhất có 2/3 thành viên, trong đó phải có Chủ tịch (hoặc Phó chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền) và 01 trong 02 Thư ký của Hội đồng. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc thảo luận và đồng thuận với ít nhất 3/4 thành viên có mặt đồng ý thông qua.

#### 4. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

Trên cơ sở chủ trương đề xuất mở ngành đào tạo đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo tổ chức thẩm định và có kết luận theo quy định tại khoản 3 Điều này, Hiệu trưởng báo cáo trình Hội đồng trường phê duyệt; sau đó Trường nộp đề xuất cho ĐHĐN để Giám đốc ĐHĐN báo cáo trình Hội đồng ĐHĐN thông qua chủ trương mở ngành. Hội đồng trường chịu trách nhiệm về các nội dung:

a) Định hướng phát triển ngành đề xuất mở phải phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường, bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của các bộ, ngành, địa phương, cả nước và hội nhập quốc tế;

b) Bảo đảm nguồn lực để triển khai đề án mở ngành đào tạo đạt hiệu quả;

c) Đánh giá về dự báo rủi ro, các giải pháp ngăn ngừa, đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp xảy ra rủi ro khi mở ngành đào tạo.

#### **Điều 9. Xây dựng đề án, chuẩn bị điều kiện mở ngành/chuyên ngành đào tạo**

Trên cơ sở chủ trương mở ngành/chuyên ngành được phê duyệt, Trường khoa chuyên môn chỉ đạo và tổ chức xây dựng đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo. Nội dung đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo gồm có:

1. Một số thông tin cơ bản giới thiệu về cơ sở đào tạo: giới thiệu sơ lược về cơ sở đào tạo.

2. Sự cần thiết mở ngành/chuyên ngành đào tạo: báo cáo khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành/chuyên ngành đào tạo đã được phê duyệt.

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành/chuyên ngành đào tạo: Trường khoa chuyên môn chỉ đạo và tổ chức xây dựng, thẩm định và trình Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo, bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

Căn cứ các quy định về điều kiện đội ngũ giảng viên trong mở ngành/chuyên ngành đào tạo theo quy định tại Quy định này và điều kiện thực tế của Khoa, Trường khoa chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học nhằm đáp ứng điều kiện mở ngành/chuyên ngành đào tạo tương ứng với mỗi trình độ đào tạo theo quy định tại Quy định này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành/chuyên ngành đào tạo

Căn cứ các quy định về điều kiện cơ sở vật chất trong mở ngành/chuyên ngành đào tạo theo quy định tại Quy định này và điều kiện thực tế của Trường, Trường khoa chuyên môn đề xuất thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện mở ngành/chuyên ngành đào tạo tương ứng với mỗi trình độ đào tạo theo quy định tại Quy định này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành;

6. Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành/chuyên ngành đào tạo

a) Khoa chuyên môn quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành/chuyên ngành đào tạo dự kiến mở;

b) Khoa phân công cán bộ quản lý chuyên môn (Chủ trì ngành) và giao trách nhiệm, quyền hạn cho Bộ môn hoặc cá nhân người chủ trì để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành/chuyên ngành đào tạo dự kiến mở.

7. Phương án, giải pháp để phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành/chuyên ngành đào tạo

a) Báo cáo phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của Khoa, Trường và những nội dung khác có liên quan, từ đó dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành/chuyên ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cùng các giải pháp chung để ngăn ngừa kịp thời nhằm hạn

chế rủi ro cũng như đề xuất các phương án cụ thể mang tính chủ động để ngăn ngừa và xử lý khi rủi ro xảy ra;

b) Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Nhà trường bị đình chỉ hoạt động ngành/chuyên ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, Nhà trường và các bên liên quan.

#### 8. Các minh chứng kèm theo đề án

a) Nghị quyết của Hội đồng trường, Hội đồng Đại học Đà Nẵng phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo;

b) Biên bản thẩm định đề án mở ngành/chuyên ngành của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

c) Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng, Hội đồng thẩm định; Biên bản thẩm định CTĐT của Hội đồng thẩm định; Quyết định ban hành CTĐT;

d) Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành/chuyên ngành đào tạo theo quy định tại khoản 4 Điều này, gồm các thông tin theo mẫu báo cáo quy định tại Mục 1 (về giảng viên) và Mục 2 (về kết quả nghiên cứu khoa học) Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy định này; bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp;

đ) Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành ngành/chuyên ngành đào tạo đã chuẩn bị theo quy định tại khoản 5 Điều này, gồm các thông tin theo các mẫu báo cáo được quy định tại Mục 3 (về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện CTĐT) Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này;

#### **Điều 10. Thẩm định đề án mở ngành đào tạo**

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo, trong đó Hội đồng thẩm định phải xem xét, đánh giá điều kiện thực tế của Nhà trường trên cơ sở căn cứ các quy định tại Quy định này, quy định của Nhà trường và các quy định của pháp luật hiện hành, đánh giá mức độ đáp ứng so với yêu cầu về điều kiện để được mở ngành đối với từng nội dung cụ thể của đề án, bao gồm thẩm định các điều kiện về tên ngành đào tạo, CTĐT, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến và công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo đề xuất mở.

2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo chỉ tiến hành họp khi có ít nhất có 2/3 thành viên, trong đó phải có Chủ tịch (hoặc Phó chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền) và một trong 02 Thư ký của Hội đồng. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc thảo luận và đồng thuận với ít nhất 3/4 thành viên có mặt đồng ý thông qua bằng hình thức bỏ phiếu. Trong quá

trình thẩm định, Hội đồng phải kiểm tra điều kiện thực tế và kiểm tra các minh chứng cụ thể trước khi kết luận, đồng thời báo cáo Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thẩm định.

3. Kết quả thẩm định đề án mở ngành đào tạo của Hội đồng Khoa học và Đào tạo phải được thể hiện bằng Biên bản thẩm định và có kết luận cụ thể về việc Trường đã có đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo hoặc chưa đủ điều kiện theo quy định tại Quy định này, quy định của Trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 11. Hồ sơ mở ngành/chuyên ngành đào tạo**

Hồ sơ mở ngành/chuyên ngành đào tạo gồm có:

1. Tờ trình đề nghị mở ngành/chuyên ngành đào tạo: tóm tắt quá trình xây dựng đề án, báo cáo khẳng định về việc bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định để được mở ngành/chuyên ngành đào tạo và đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo đã được thẩm định theo quy định tại Điều 10 Quy định này, bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

3. Thông báo của Hội đồng Đại học Đà Nẵng chấp thuận về mặt chủ trương mở ngành đào tạo.

#### **Điều 12. Phê duyệt đề án và quyết định mở chuyên ngành đào tạo**

Hiệu trưởng xem xét phê duyệt và quyết định cho phép mở chuyên ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại Quy định này.

Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ mở chuyên ngành của các khoa, Hiệu trưởng ra quyết định mở chuyên ngành đào tạo, nếu hồ sơ mở chuyên ngành của các Khoa đầy đủ và đáp ứng các điều kiện để được mở chuyên ngành theo quy định tại Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Trường hợp hồ sơ mở chuyên ngành chưa đầy đủ, chưa bảo đảm các điều kiện để được mở chuyên ngành theo quy định, Phòng Đào tạo sẽ thông báo kết quả bằng văn bản về tình trạng hồ sơ và những nội dung chưa bảo đảm theo quy định đối với khoa chuyên môn.

### **Chương IV**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan**

1. Khoa chuyên môn:

a) Xây dựng đề xuất chủ trương mở ngành/chuyên ngành đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định này;

b) Triển khai xây dựng đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo theo quy định tại Điều 9 Quy định này và các quy định khác có liên quan;

c) Phân công giảng dạy, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với qui mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành/chuyên ngành đào tạo theo quy định của Quy định này bảo đảm tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành;

d) Thực hiện trách nhiệm trong việc đánh giá chất lượng và kiểm định CTĐT và thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục đại học;

đ) Xây dựng lộ trình tuyển mới và phát triển đội ngũ giảng viên; xây dựng kế hoạch bổ sung, tăng cường trang thiết bị, giáo trình, tài liệu phục vụ ngành, chuyên ngành đào tạo.

## 2. Phòng Đào tạo

a) Phối hợp với Khoa chuyên môn tham mưu Hiệu trưởng mở các ngành/chuyên ngành đào tạo mới phù hợp năng lực và chiến lược phát triển đào tạo của Nhà trường;

b) Hướng dẫn Khoa chuyên môn xây dựng báo cáo đề xuất chủ trương, đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo.

c) Xây dựng kế hoạch, thời gian và lộ trình thực hiện đăng ký mở ngành/chuyên ngành đào tạo;

d) Theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất điều chỉnh các nội dung của đề án theo quy định từ khoản 1 đến khoản 8 Điều 9 Quy định này trong quá trình xây dựng đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo;

đ) Tiếp nhận hồ sơ, xem xét và tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định mở chuyên ngành đào tạo;

e) Báo cáo ĐHDN, Bộ GD&ĐT về các quyết định mở ngành/chuyên ngành đào tạo; quyết định mở ngành/chuyên ngành đào tạo đã hết hiệu lực theo quy định;

f) Thực hiện giải trình theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

## 3. Phòng Tổ chức

a) Phối hợp với Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, ký hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

b) Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện hoạt động mở ngành/chuyên ngành đào tạo, việc thực hiện cam kết theo đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### 4. Phòng Cơ sở Vật chất

Phối hợp với Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành/chuyên ngành đào tạo theo quy định của Quy định này, bảo đảm tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

#### 5. Phòng Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục

a) Phối hợp với Khoa chuyên môn và các đơn vị liên quan trong việc đánh giá chất lượng và kiểm định CTĐT theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018)

b) Thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

### **Điều 14. Chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin**

1. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành/chuyên ngành đào tạo theo quy định, Phòng Đào tạo báo cáo ĐHĐN và Bộ GD&ĐT (trừ các ngành do Bộ GD&ĐT quyết định):

a) Quyết định mở ngành/chuyên ngành đào tạo;

b) Đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo;

c) Địa chỉ truy cập trang thông tin điện tử đã công khai các nội dung liên quan đến việc mở ngành/chuyên ngành đào tạo.

2. Đối với ngành đào tạo đã mở trình độ đại học: từ năm học thứ hai (kể từ khi ban hành quyết định mở ngành đào tạo) đến khi kết thúc khóa học đầu tiên, trước ngày bắt đầu năm học mới của từng năm học, Phòng Đào tạo báo cáo Bộ GD&ĐT và ĐHĐN, việc đã chuẩn bị đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất để thực hiện CTĐT đối với ngành đào tạo đã mở theo kế hoạch, lộ trình đã cam kết trong đề án mở ngành, gồm các nội dung theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 4 Quy định này này để phục vụ quản lý và công tác hậu kiểm (trừ trường hợp mở ngành ở trình độ đại học đối với các ngành đào tạo thuộc Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên và lĩnh vực Pháp luật hoặc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ).

3. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Phòng Đào tạo báo cáo về Bộ GD&ĐT và ĐHĐN về quyết định mở ngành/chuyên ngành đào tạo đã hết hiệu lực (nếu có), theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy định này để phục vụ công tác quản lý, bao gồm các

nội dung: số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành quyết định; cơ quan ban hành quyết định; tên ngành/chuyên ngành; trình độ đào tạo; lý do quyết định mở ngành/chuyên ngành hết hiệu lực.

4. Phòng Đào tạo có trách nhiệm lưu trữ và bảo quản hồ sơ mở ngành/chuyên ngành đào tạo, các tài liệu liên quan tới việc mở ngành/chuyên ngành đào tạo, các minh chứng kèm theo hồ sơ mở ngành/chuyên ngành đào tạo, bao gồm cả các minh chứng về việc đáp ứng các điều kiện mở ngành/chuyên ngành đào tạo, bảo đảm tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Phòng Đào tạo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học như sau:

a) Công khai Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành/chuyên ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học trên trang thông tin điện tử của Trường ít nhất là 45 ngày trước khi tổ chức thực hiện;

b) Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở chuyên ngành đào tạo hoặc nhận được quyết định cho phép mở ngành đào tạo của cơ quan có thẩm quyền, Phòng Đào tạo phải công khai trên trang thông tin điện tử của Trường các nội dung sau:

- Quyết định mở ngành/chuyên ngành đào tạo;

- Những nội dung cơ bản của đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo đã được phê duyệt, bao gồm: chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra và đề cương CTĐT; danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT; danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh; địa điểm đào tạo và danh sách các địa điểm thực hành, thực tập;

- Cập nhật thông tin về mở ngành đào tạo, đề án mở ngành đào tạo vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học.

#### **Điều 15. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Đào tạo để tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung. /*2/*





## PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Quyết định số 2423/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 1 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm...

### XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: ..... Mã ngành

Trình độ đào tạo: .....

#### 1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Văn A 15/11/1966	0920660018 79 Việt Nam	GS, 2016	TS, Việt Nam, 2002	Nuôi trồng thủy sản	01/08/1988	X	HC158293061 873267	33	10	24	

2	Nguyễn Thị B 20/12/1971	0640710074 51 Việt Nam	PGS, 2015	TS, Hà Lan, 2009	Công nghệ chế biển thủy sản	X	15/11/2010, Hợp đồng thỉnh giảng tự trả lương	HC893527818 012345	8	3	12	

**Ghi chú:** Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

**TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC**

(Ký tên xác nhận)

**HIỆU TRƯỞNG**

**Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo**

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án	
				Bắt buộc		Tự chọn			
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Nguyễn Văn A	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	Học kỳ 1, năm thứ 2	X					Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

--	--	--	--	--	--	--	--	--

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

*(Ký tên xác nhận)*

**HIỆU TRƯỞNG**

190  
RUC  
AIH  
JPH  
OC B

**Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo**

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú

**TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC**

*(Ký tên xác nhận)*

**HIỆU TRƯỞNG**

**2. Về kết quả nghiên cứu khoa học**

**Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)**

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú

**TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC**

*(Ký tên xác nhận)*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)**

STT	Công trình khoa học	Ghi chú

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết*', *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tiêu đề bài viết*', *[trong] tên kỳ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

**TRƯỞNG PHÒNG KHOA HỌC VÀ HTQT**

*(Ký tên xác nhận)*

**HIỆU TRƯỞNG**

**3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo**

**Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo**

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú



1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ					
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ					
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ					
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ					
1.5	Số phòng học đa phương tiện					
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian					
2	Thư viện, trung tâm học liệu					
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập					

**TRƯỞNG PHÒNG CƠ SỞ VẬT CHẤT**

*(Ký tên xác nhận)*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Mẫu 7: Thư viện**

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giã	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bán	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HỌC LIỆU VÀ CNTT***(Ký tên xác nhận)***HIỆU TRƯỞNG****Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự  
kiến mở**

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

**TRƯỞNG PHÒNG CƠ SỞ VẬT CHẤT***(Ký tên xác nhận)***HIỆU TRƯỞNG***(Ký tên, đóng dấu)*